

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2019/HS-PT

Ngày: 04/10/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Văn Toàn và bà Nguyễn Thị H

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 04/10/2019, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 286/2019/TLPT-HS ngày 28/8/2019, đối với bị cáo Hồ Thị V, do có kháng cáo của bị cáo, đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2019/HS-ST ngày 23/7/2019 của TAND huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Hồ Thị V, sinh năm 1985, tại: tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: thôn Y, xã J, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Nơi làm việc: Trường THCS N, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Văn thư. Con ông Hồ Như T, sinh năm 1954 và bà Mai Thị V, sinh năm 1958. CH Tô Quang V, sinh năm 1981 và có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011), cư trú: Thôn Y, xã J, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

+ Ông Hoàng Văn C - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

+ Ông Dương Văn Q - Luật sư Văn phòng Luật sư Lý Bình, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 16 L, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Người bị hại:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967, bà Trịnh Thị N, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn X, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Đều có mặt.

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau sau:

Bị cáo Hồ Thị V làm văn thư tại trường Trung học cơ sở N, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo không có khả năng xin việc cho người khác nhưng nói với chị Nguyễn Thị H là kế toán trường N là mình quen biết rộng có thể xin việc cho

người khác vào cơ quan Nhà nước. Từ tháng 02 đến tháng 7 năm 2014, V 02 lần nhận tiền, hứa xin việc cho người khác như sau:

Vụ thứ nhất: Tháng 02/2014, V tình cờ gặp bà Trịnh Thị N tại nhà chị H, V giới thiệu mình có thể xin việc vào biên chế chính thức tại Bệnh viện Nhà nước. Bà N bàn với ông Nguyễn Văn T (chồng bà N) liên hệ nhờ V xin việc cho anh Nguyễn Văn T1 (con ông T bà N). V hứa trong thời gian từ tháng 02/2014 đến tháng 9/2016 sẽ xin cho anh T1 vào biên chế chính thức tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk với chi phí 110.000.000 đồng. Nếu không xin được, V sẽ hoàn trả đủ số tiền nêu trên cho ông T.

Tính đến ngày 18/6/2014, ông T giao cho V 110.000.000 đồng, V viết với nội dung “Tổng thành tiền đến 18/6 là 110.000.000 đồng để xin việc cho cháu Nguyễn Văn T1 vào làm tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk. Sau đó thi vào công chức và nhận quyết định chính thức người Nhà nước vào tháng 9/2016. Từ năm 2014 đến 2016 có đợt thi công chức nào thì Nguyễn Văn T1 sẽ tham gia vào đợt thi đó và nhận quyết định tại BVĐK tỉnh Đắk Lắk. Số tiền 110.000.000 đồng sẽ chi cho tất cả chi phí đến khi nhận quyết định chính thức. Nếu hết thời hạn nêu trên mà T1 không nhận được quyết định thì tôi sẽ hoàn trả lại số tiền trên”.

Vụ thứ hai: Do có quan hệ họ hàng, bà Phạm Thị Nh nhờ anh Trịnh Văn M (chồng của chị Nguyễn Thị H) liên hệ xin việc cho anh Trịnh Văn B (con bà Nh) mới tốt nghiệp Trung cấp y. Đầu tháng 7/2014, anh M cho bà Nh số điện thoại của Hồ Thị V để bà Nh liên hệ xin việc cho anh B. Qua điện thoại, V giới thiệu mình có thể xin được việc cho anh B vào biên chế Nhà nước với khoản chi phí là 110.000.000 đồng và hứa trong thời gian từ tháng 7/2014 đến hết năm 2016 sẽ xin được việc cho B vào biên chế Nhà nước chính thức của Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk, nếu không xin được sẽ hoàn trả lại số tiền cho bà Nh.

Ngày 14/7/2014, V và bà Nh hẹn gặp nhau tại thành phố B để thỏa thuận giao tiền, bà Nh giao cho V 110.000.000 đồng. V viết cho bà Nh giấy mượn tiền với nội dung “Ngày 14/7/2014, tôi có mượn của gia đình cô Phạm Thị Nh, thôn H - xã Y - C - Gia Lai số tiền là 110.000.000 đồng để xin việc cho em Trịnh Văn B vào Bệnh đa khoa tỉnh Đắk Lắk. Với số tiền trên thì em B vào biên chế Bệnh viện, hạn biên chế cuối cùng là đến hết năm 2016. Nếu đến cuối 2016 mà tôi không xin cho em B vào biên chế tôi sẽ hoàn trả lại số tiền trên cho gia đình. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trước pháp luật”.

Đến nay, V chưa xin được việc cho anh T1 và anh B, V mới trả cho ông T 8.000.000 đồng và trả cho bà Nh 20.000.000 đồng.

V khai sau khi nhận tiền của ông T và bà Nh, V đã giao toàn bộ số tiền cho Hoàng Thị Diệu Th để Th xin việc cho anh T1 và anh B. Đồng thời V thỏa thuận với Th sau khi xin việc xong V sẽ được nhận 5.000.000 đồng tiền hoa H cho mỗi trường hợp. Tuy nhiên, V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc V giao tiền cho Th để xin việc cho anh T1 và anh B. Quá trình điều tra xác định Th đã bỏ đi khỏi nơi cư trú từ năm 2013, hiện nay không xác định được Th đang ở đâu.

Bản án hình sự sơ thẩm sơ thẩm số: 17/2019/HSST ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk quyết định:

Tuyên bố bị cáo Hồ Thị V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 BLHS năm 1999; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Hồ Thị V 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 30/7/2019, bị cáo Hồ Thị V có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt, xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hồ Thị V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giữ nguyên yêu cầu trong đơn kháng cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm cho rằng: Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Hồ Thị V phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ. Tuy nhiên, trong vụ án này còn có đối tượng Hoàng Thị Diệu Th có dấu hiệu đồng phạm với vai trò quan trọng, nhưng Cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ, xác minh không đầy đủ là thiếu sót và có thể bỏ lọt tội phạm. Ngoài ra Tòa cấp sơ thẩm đã không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo, nhưng lại áp dụng Điều 54 BLHS để xử bị cáo dưới khung hình phạt là không đúng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 358 BLHS để hủy Bản án hình sự sơ thẩm và giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Đồng ý với việc truy tố xét xử bị cáo Hồ Thị V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 BLHS năm 1999. Tuy nhiên, trong vụ án này còn có Hoàng Thị Th là người đã hứa hẹn với bị cáo V là Th có khả năng xin được việc cho người khác vào biên chế Nhà nước, chính Th cũng đã gặp trực tiếp người bị hại và sau khi V nhận tiền từ người bị hại xong thì V đưa lại cho Th, Th hứa cho V 5.000.000 đồng sau khi xin việc được cho mỗi trường hợp. Nên bị cáo phạm tội chỉ với vai trò đồng phạm giúp sức cho Th, bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, đang mang thai và nuôi con nhỏ, sau khi phạm tội bị cáo đã ăn năn hối cải và bồi thường được một khoản tiền nhằm để khắc phục hậu quả cho người bị hại, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời và chăm lo cho con nhỏ.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa và không tranh luận gì thêm.

Đại diện viện kiểm sát tranh luận đối đáp và vẫn giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo Hồ Thị V tại phiên tòa phúc thẩm, là phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và thấy rằng: Trong khoảng thời gian từ

tháng 02/2014 đến tháng 7/2014, mặc dù không có khả năng xin việc làm, nhưng vì muốn chiếm đoạt tài sản của người khác, nên Hồ Thị V đã đưa ra các thông tin gian dối là V có khả năng xin việc cho con bà Trịnh Thị N và con bà Phạm Thị Nh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk. Bằng thủ đoạn này, Hồ Thị V đã 02 lần chiếm đoạt với tổng số tiền 220.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hồ Thị V về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

Tuy nhiên, qua các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ, cũng như quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai của bị cáo, các bị hại và người làm chứng đều xác định đối tượng Hoàng Thị Diệu Th là người mà bị cáo V giới thiệu với những người bị hại trong quá trình V thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo V đã đưa ra thông tin là Th (người quen của V) hiện đang công tác trong ngành Y tế và có khả năng xin việc làm, đồng thời V cũng giới thiệu Th trực tiếp gặp người bị hại để hứa hẹn và nhận hồ sơ xin việc, thậm chí Th còn hứa đưa người xin việc đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, cần phải điều tra làm rõ mục đích bị cáo V giới thiệu Th cho người bị hại là nhằm tạo niềm tin cho những người bị hại, để người bị hại đưa tiền xin việc cho V, hay còn mục đích nào khác, bởi vì nếu như người bị hại biết V làm văn thư ở Trường học thì liệu họ có thể tin tưởng V có khả năng xin việc vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk, để giao một khoản tiền lớn như vậy hay không. Ngoài ra, bị cáo V còn khai nhận, V quen biết Th là thông qua chị Nguyễn Thị H, H là người đang công tác cùng Trường THCS N, xã C, huyện M cùng với V. H đã nói với V là Hoàng Thị Diệu Th có khả năng xin việc làm cho người khác được và H cho V số điện thoại của chị Th, từ đó V mới liên lạc gặp Th và Th nói có khả năng xin việc làm cho người khác với số tiền 110.000.000 đồng cho một người, nên V đã tin và nhận tiền từ người bị hại. Tuy nhiên nội dung này cũng chưa được điều tra làm rõ. Như vậy, trong vụ án này, ngoài bị cáo V thì đối tượng Hoàng Thị Diệu Th có dấu hiệu đồng phạm và giữ vai trò quan trọng. Mặt khác, theo lời khai của V, toàn bộ số tiền V nhận của những người bị hại thì V đã đưa lại cho Th để Th xin việc, còn V chỉ hưởng tiền chênh lệch theo thỏa thuận giữa Th và V trước đó. V cũng đã cung cấp một số tài liệu là giấy mượn tiền giữa V và Th. Nhưng quá trình điều tra chưa làm rõ được, với lý do là đối tượng Hoàng Thị Diệu Th không có mặt tại địa phương.

Xét thấy việc Cơ quan điều tra xác minh chưa đầy đủ, có sự mâu thuẫn ở tại các biên bản xác minh, (Cụ thể tại bút lục 112 bố mẹ đối tượng Th cho rằng Th bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2013 đến nay không về, không biết địa chỉ, nhưng tại bút lục 113 anh Nguyễn Mộng P lại khai là chồng cũ của Th, kết hôn năm 2009, đã có con chung sinh năm 2011, năm 2015 vợ chồng ra Tòa án nhân dân huyện E giải quyết ly hôn, nay anh P không biết Th ở đâu...).

Nếu trường hợp có đủ căn cứ xác định vụ án có đồng phạm khác, thì Cơ quan điều tra phải áp dụng mọi biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật để điều tra xác minh triệt để, để truy tố xét xử cùng một vụ án, có như vậy mới đánh giá được đầy đủ tích chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cũng như giải quyết trách nhiệm dân sự và áp dụng hình phạt cho tương xứng, đồng thời tránh được việc oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Ngoài ra, việc Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS, nhưng lại áp dụng điều 54 BLHS để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề là không đúng. Bởi lẽ, ngoài các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, thì bị cáo còn phải chịu 01 tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS nữa. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Từ phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc điều tra tại cấp sơ thẩm là chưa đầy đủ mà tại cấp phúc thẩm không bổ sung được, nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm và giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm điều tra, truy tố xét xử lại là phù hợp.

[2] Do bản án bị hủy, nên Hội đồng xét xử không cần thiết phải xem xét đến kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo.

[3] Về án phí: bị cáo Hồ Thị V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 358; khoản 1 Điều 360 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2019/HSST ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm điều tra, truy tố xét xử lại vụ án theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về án phí: Bị cáo Hồ Thị V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đrăk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Công an huyện M'Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh